

Viên nén (Tablet)

Viên nén:

- Mỗi viên là 1 đơn vị phân liều
- Dùng để:
 - uống
 - dùng trong khoang miệng
 - chuyển thành dung dịch
 - khác (dưới da, nhãn cầu, ...)

Chứa

- Dược chất: ≥ 1
- Tá dược

→ Nén lại (Có thể bọc vào bao)

Những cái nhất của viên nén

- Nhiều tá dược nhất
- SKD thất thường nhất

Ưu điểm

Phổ biến

- Dược chất ổn định $\Rightarrow$ để được lâu
- Phân liều chính xác
- Đường dùng đa dạng
- Có thể in chữ, khắc rãnh
- SX, vận chuyển, bảo quản dễ $\Rightarrow$ Giá rẻ
- Có thể giấu mùi vị

Các dạng viên nén thường

Viên nén không bao (truyền thống)

- Phổ biến nhất

Viên nén có bao:

- Bao?:
 - Bảo vệ dược chất
e.g. vitamin C against ánh sáng
 - Bảo vệ cơ thể
 - Giải phóng @ ruột non
 - cho thuốc kích ứng dạ dày (aspirin)
 - cho thuốc bị acid dịch vị phá hủy (omeprazole - base yếu)
 - Giải phóng @ đại tràng
 - cho thuốc hấp thu kém
 - cho thuốc bị phá hủy ở dạ dày, ruột non
 - cho thuốc điều trị đích ở đại tràng
- Các dạng viên nén có bao hay gặp
 - uống: viên giải phóng chậm
 - cấy: dưới da, nhãn cầu

Nhược điểm

- SKD thất thường nhất
 - lúc bào chế bị tác động bởi
 - Độ ẩm (xát hạt ướt)
 - T* (sấy hạt, lực nén, tá dược)
 - chọn tá dược:
 - tá dược dính chặt quá thì không rã được
 - tá dược rã mạnh quá thì lại hấp thu nhanh
 - ...(rất lằng nhằng)
- Nếu không chọn tá dược và bào chế cẩn thận thì có thể trở thành dạng thuốc có SKD thấp nhất
- S tiếp xúc nhỏ
- Không áp dụng cho mọi loại dược chất
Dược chất gây kích ứng niêm mạc dạ dày thì thuốc dạng viên nén dễ gây kích ứng tại 1 điểm của đường tiêu hóa
- Khó dùng cho: trẻ em

Thành phần

Một số dược chất: cấu trúc tinh thể đều đặn

→ dập trực tiếp thành viên

Đa số dược chất: cần tá dược

- Tá dược độn: đảm bảo khối lượng; tăng độ trơn, độ chịu nén
- Tá dược dính: đảm bảo độ chắc; liên kết
- Tá dược rã: giải phóng thuốc
- Tá dược trơn: chống ma sát, chống dính
- Tá dược bao: tạo màng bọc mỏng
- Tá dược màu: nhận biết

